TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 602**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Kim Hoàng

Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 259/2018/HNST ngày 20 tháng 06 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 633a/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 686/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N. T. H, sinh năm 1974

Địa chỉ: 1135/63 đường A, tổ 31, khu phố 3, phường B, Quận C – Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông N. V. L, sinh năm 1974

Nơi cư trú cuối cùng: 331/49 Đường D, Phường E, Quận F – Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông L là người mất tích- theo Quyết định số 192/2018/QDDS- ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 14/6/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà N. T. H trình bày: Bà và ông N. V. L chung sống với nhau từ năm 1999 đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 60-KH, quyển số 2002 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2002). Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông L đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 12 cho đến nay. Bà đã nhiều lần tìm

kiếm nhưng vẫn không có tin tức. Năm 2017 bà đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông N. V. L là người mất tích. Tòa án nhân dân Quận 4 đã thụ lý đơn yêu cầu của bà và năm 2018 đã ban hành Quyết định để tuyên bố ông L là người mất tích. Ông L có nơi cư trú cuối cùng tại 331/49 đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày mất tích của ông L được Tòa án xác định là 01/01/2014. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng thời để ổn định cuộc sống, bà H yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông N. V. L.

Về con chung: Bà H xác nhận ông bà có 02 con chung là N. T. C, sinh ngày 24/2/2000 (đã trưởng thành) và N. Q. H, sinh ngày 23/6/2011. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là N. Q. H và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/11/2018, bà N. T. H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, trong đơn bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà H, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L cụ thể, Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa… nhưng ông L vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Bà N. T. H và ông N. V. L chung sống với nhau từ năm 1999 đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 4. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông L đã bỏ nhà đi từ đó đến nay. Bà H đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức. Năm 2017 bà H đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông N. V. L là người mất tích. Tòa án nhân dân Quận F đã thụ lý đơn yêu cầu của bà và năm 2018 đã ban hành Quyết định số 192/2018/QDDS- ST ngày 23/5/2018 để tuyên bố ông L là người mất tích. Ông L có nơi cư trú cuối cùng tại 331/49 đường D, Phường E, Quận F, ngày mất tích của ông L được Tòa án xác định là 01/01/2014. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông L đã được Tòa án tuyên bố là người mất tích, đồng thời, để ổn định cuộc sống, bà H yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông N. V. L, đây là yêu cầu có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà H, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông N. V. L, cụ thể, Tòa án đã niêm yết các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa… nhưng ông L vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 29/11/2018 nguyên đơn là bà N. T. H cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

- Về yêu cầu khởi kiện:

Theo lời khai của bà N. T. H và căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hơn số 60-KH, quyển số 2002 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2002 có cơ sở xác định bà N. T. H và ông N. V. L chung sống có đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân của bà Hợi và ông Lực đã tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà N. T. H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông N. V. L là người mất tích. Căn cứ Quyết định số 192/2018/QDDS-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cho thấy ông L đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2010 và đến năm 2018 Tòa án nhân dân Quận 4 đã tuyên bố ông L là người mất tích, ngày mất tích của ông L được Tòa án xác định là 01/01/2014. Bà H cho rằng việc ông L đã bỏ nhà đi dẫn đến hạnh phúc gia đình không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần nhưng ông L không đến mà cũng không có văn bản thể hiện ý kiến hay quan điểm gì về yêu cầu ly hôn của bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, tuy hai đương sự vắng mặt nhưng qua những chứng cứ đã thu thập được nhận thấy mục đích hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình giữa bà H và ông L, không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu được ly hôn của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà H xác nhận bà và ông N. V. L có 02 con chung là N. T. C, sinh ngày 24/2/2000 (đã trưởng thành) và N. Q. H, sinh ngày 23/6/2011. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là N. Q. H và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời, ông L vắng mặt không có lời khai tại Toà. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 54, 56, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N. T. H được ly hôn với ông N. V. L (Giấy chứng nhận kết hôn số 60-KH, quyển số 2002 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/8/2002).

- Về quan hệ con chung: Xác định bà H và ông L có 02 con chung là N. T. C, sinh ngày 24/2/2000 (đã trưởng thành) và N. Q. H, sinh ngày 23/6/2011. Giao con chung chưa thành niên là N. Q. H cho bà H nuôi dưỡng. Ghi nhận sư tự nguyện của bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời, ông L vắng mặt không có lời khai tại Toà. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà N. T. H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AG/2014/0009122 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

4. Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**